

Bản án số: 73/2025/DS-ST
Ngày: 02-4-2025
V/v tranh chấp “*Hợp đồng
góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Hoàng Duy Hùng;
 2. Ông Lê Thanh Nghị;
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang;
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gò Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 427/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024, về việc tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-DS ngày 14/3/2025 giữa các đương sự:

- 1/ *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị L, sinh năm 1975;
Địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện uỷ quyền: Bà Phan Thị U, sinh năm 1964;
Địa chỉ: 8 N, khu phố I, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)
- 2/ *Bị đơn:* Anh Trần Văn N (N1), sinh năm 1974;
Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú: ấp C, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Cao Thị L là bà Phan Thị U trình bày:*

Ông N (Ngoãn) có tham gia một dây hụi do bà L làm thảo, cụ thể như sau:

Hụi khai ngày 10/02/2023 (âm lịch – tháng 02 đầu – do năm 2023 nhuận 02 tháng 02), hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, ông N (Ngoãn) tham gia 01 phần.

Ông N (Ngoãn) hốt hụi ở kỳ thứ 5 vào tháng 5/2023. Sau khi hốt hụi xong thì

ông N (Ngoản) đóng 03 kỳ hui chết sau đó ngưng nên bà L phải bỏ tiền ra choàng hui cho những hui viên hốt sau để duy trì dây hui đến mãi. Hiện ông N (Ngoản) còn nợ bà L số tiền hui chết chưa đóng là 12 phần x 5.000.000 đồng = 60.000.000 đồng.

Ngày 20/5/2023 ông N (N1) có làm biên nhận nhận tiền hui cho bà L.

Nay bà L yêu cầu ông N (N1) trả cho bà L số tiền hui chết là 60.000.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn Trần Văn N (Ngoản) vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì mặc dù tòa án đã tổng đạt hợp lệ.*

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã B, thành phố G nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ hui. Căn cứ vào các Điều 471 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng góp hui*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn N (Ngoản) vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về nội dung vụ án:

Bà L khởi kiện yêu cầu ông N (Ngoản) phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hui là 60.000.000 đồng. Ông N (Ngoản) vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch chơi hui giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, được thể hiện qua biên nhận giao hui ngày 20/5/2023 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Như vậy có cơ sở xác định bà L đã giao hui cho ông N (Ngoản) vào ngày 20/5/2023. Bà L thừa nhận ông N đã đóng hui chết 03 kỳ là 15.000.000 đồng nên còn nợ lại 12 kỳ là 60.000.000 đồng.

Bị đơn là ông Trần Văn N (Ngoản) đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông vắng mặt

không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy ông N (Ngoản) đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Về thời gian trả tiền: Bà L là chủ hội đã thực hiện đúng nghĩa vụ là giao đủ tiền cho hội viên, ông N (Ngoản) là hội viên sau khi hết hội đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình là đóng hội theo kỳ đầy đủ cho chủ hội nên ông N (Ngoản) vi phạm nghĩa vụ của hội viên được quy định tại Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Việc ông N (Ngoản) vắng mặt làm kéo dài thời gian trả nợ cho nguyên đơn vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ buộc ông N (N1) thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. H án phí cho bà L.

[7]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 468, 471 Bộ luật Dân sự;

- Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Hội, họ, biểu, phường;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị L.

Buộc ông Trần Văn N (N1) có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị L số tiền nợ hội là 60.000.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Buộc ông Trần Văn N (N1) phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- H lại cho bà Cao Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0001235 ngày 23/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TPGC;
- Chi cục THADS TPGC;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Thảo